

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2) (DAĐT): số 3466/QĐ-BNN-KH ngày 25/8/2020 về việc giao nhiệm vụ thực hiện chuẩn bị đầu tư (DAĐT); số 3362/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư (DAĐT);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận: số 1783/QĐ-UBND ngày 10/5/2004 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quý, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận; số 1057/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 về việc thu hồi và giao đất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận để đầu tư xây dựng công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 1) tại xã Tam Thanh, huyện Phú Quý; số

2439/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (DADT);

Căn cứ Văn bản số 3183/UBND-ĐTQH ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giao chủ đầu tư đối với dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 2);

Xét Tờ trình số 118/TTr-BQLDA ngày 10/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận (chủ đầu tư) về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (kèm theo Báo cáo số 2229/BC-TCTS-KHTC ngày 19/12/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2).

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hoàn thiện Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận đạt quy mô neo đậu 1.000 chiếc/600CV (khu neo đậu cấp vùng) để cho ngư dân tỉnh Bình Thuận và các tỉnh lân cận hoạt động khai thác hải sản ngư trường Nam Trung bộ, Trường Sa, DK1 vào neo đậu, tránh trú bão an toàn; giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản và phương tiện hoạt động nghề cá; góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Nạo vét vũng neo tàu và luồng tàu

5.1.1 Vũng neo tàu: Diện tích khoảng 36 ha, bao gồm:

- Khu neo đậu số 1 (cho tàu L=15m ÷ 30m) khoảng 27 ha; Khu neo đậu số 2 (cho tàu L<15m) khoảng 9 ha.

- Cao trình đáy khu neo đậu: Khu neo đậu số 1: -2,50 m; Khu neo đậu số 2: -0,50 m;

- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 553.340 m³.

5.1.2 Luồng tàu: Chiều rộng luồng khoảng 70 m. Chiều dài luồng tàu khoảng 650m. Cao trình đáy luồng: -3,10 m, mái nạo vét m = 3.

5.2. Kè bảo vệ bờ: Bao gồm kè trọng lực và kè mái nghiêng có tổng chiều

dài khoảng 830m, cao trình đỉnh kè: +4,5m. Trên mặt kè trọng lực có bố trí trụ neo tàu khoảng 20m/trụ.

5.3. San lấp mặt bằng: Diện tích san lấp: khoảng 12ha; Cao trình mặt bãi san lấp +4,50 m; Khối lượng san lấp khoảng 226.980 m³.

5.4. Hệ thống phao neo tàu: Khu neo đậu số 1: Khoảng 34 phao neo (đường kính 3,0m; chiều cao 1,5m). Khu neo đậu số 2: Khoảng 28 phao neo (đường kính 2,4m; chiều cao 1,5m).

5.5. Hệ thống phao báo hiệu luồng cửa vào: Số lượng khoảng 05 bộ phao, mỗi phao được gắn 01 đèn báo hiệu.

5.6. Nhà điều hành: Nhà khung BTCT cao 02 tầng, tổng diện tích sàn khoảng 150 m².

5.7. Nhà vệ sinh công cộng: Cao 01 tầng. Diện tích xây dựng khoảng 72 m².

5.8. Nhà thường trực bảo vệ: Cao 01 tầng. Diện tích xây dựng khoảng 10 m².

5.9. Cổng và hàng rào: Chiều dài tường rào khoảng 490 m, có cổng chính và cổng phụ.

5.10. Hệ thống cấp điện: Gồm có:

- Trạm biến áp dự kiến công suất 250 kVA đặt trong nhà.
- Hệ thống cấp điện cho các công trình hạ tầng, gồm: Mạng điện chiếu sáng; mạng điện cấp cho tàu; mạng điện sinh hoạt cấp cho nhà điều hành quản lý.

5.11. Hệ thống cấp nước: Mạng cấp nước cho sinh hoạt và cho tàu bằng đường ống HDPE. Nguồn nước được đầu nối vào hệ thống cấp nước của khu vực (được thoả thuận theo văn bản Văn bản số 571/TTN-CN ngày 25/3/2022 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

5.12. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

5.12.1 Hệ thống thoát nước mặt: Nước mặt, nước mưa được thoát theo độ dốc trên bề mặt kè, đường nội bộ chảy vào hố ga thu nước. Bố trí cống tròn bê tông cốt thép để thu nước về 02 cửa xả (VTX1 và VTX2) đổ ra biển.

5.12.2 Hệ thống thoát nước thải: Nước thải vệ sinh bãi cập tàu, nước thải sinh hoạt được tập trung về bể xử lý nước thải bằng các đường ống HDPE. Bể xử lý có dung tích 150 m³/ngàyđêm, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.13. Đường bãi nội bộ:

- Tổng chiều dài khoảng 514m. Bao gồm: Tuyến đường D1 khoảng 210 m; Chiều dài tuyến đường N1, N2 khoảng 304m.

- + Vận tốc thiết kế: 20 Km/h;
- + Tải trọng trục tính toán: P=10 T;
- + Bề rộng mặt đường: 2 x 5,25 = 10,50 m;
- + Vía hè đường: 2 x 2,0 = 4,00 m;

+ Bề rộng nền đường: 14,50 m;

5.14. Thiết bị và hệ thống thông tin liên lạc : Bao gồm: Thiết bị xử lý nước thải, thiết bị trạm biến áp 250kVA.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích phạm vi nghiên cứu:

- Địa điểm xây dựng: Đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.
- Phạm vi khoảng 36ha diện tích mặt nước và khoảng 1,8ha diện tích mặt đất (nằm trong diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 998356 ngày 09/9/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp).

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 446.176.470.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn sáu tỷ, một trăm bảy sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).

Bao gồm:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 344.854.135.000 đồng |
| - Chi phí thiết bị: | 3.453.803.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 5.372.457.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 16.188.082.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 8.764.805.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 67.543.188.000 đồng |

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Các nội dung khác:

14.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Diện tích, cao độ nạo vét, biện pháp thi công nạo vét, tỷ lệ nổ mìn; số lượng, kích thước,

thông số kỹ thuật phao neo và phao báo hiệu; Chiều dài, tiết diện kè bảo vệ bờ; Diện tích xây dựng, diện tích sàn nhà điều hành; Công suất trạm biến áp, diện tích nhà đặt trạm biến áp; Chiều dài tuyến tường rào; Diện tích rà phá bom mìn; Việc điều chỉnh không làm vượt tổng mức đầu tư dự án.

14.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận:

- Phê duyệt Đề án vị trí việc làm, định biên của đơn vị quản lý Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý. Bố trí nhân sự vận hành phù hợp cho Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý.

- Đầu tư hệ thống thiết bị thông tin liên lạc. Chỉ đạo công tác thực hiện dự án Cảng cá Phú Quý (theo cam kết tại văn bản số 1709/UBND-ĐTQH ngày 18/5/2021) để đảm bảo thực hiện đồng bộ với việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2).

- Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng mục tiêu đầu tư.

14.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Hiệu chỉnh, hoàn thiện thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, chi phí thuộc tổng mức đầu tư theo kết quả thẩm định của Tổng cục Thủy sản (Báo cáo số 2229/BC-TCTS-KHTC ngày 19/12/2022).

- Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng kèm theo thiết kế cơ sở được thẩm định và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Lập biện pháp tổ chức và quản lý đối với bãi chứa chất nạo vét. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chấp thuận trước khi chuyển giao cho đơn vị khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Kho bạc NN tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VT, TCTS (08 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

